

Tân Phú, ngày 09 tháng 9 năm 2019

Số: 754/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 798/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Trần Văn B, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 26, đường L, phường Q, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 26, đường L, phường Q, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/1990, quyển số 01/P17 ngày 05/5/1990 do UBND Phường 17, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc, khoảng năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn nên hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay hai bên nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung là Trần Thị Thanh V, sinh ngày 29/3/1991; Trần Quang V, sinh ngày 28/5/1994 và Trần Thị Kiều D, sinh ngày 09/12/1998. Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Ông B và bà T tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông B và bà T xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông B và bà T chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 27/1990, quyển số 01/P17 ngày 05/5/1990 do UBND Phường 17, quận T (nay là phường Q, quận K), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông B và bà T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Có 03 con chung là Trần Thị Thanh V, sinh ngày 29/3/1991; Trần Quang V, sinh ngày 28/5/1994 và Trần Thị Kiều D, sinh ngày 09/12/1998. Các con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông B và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Ông B và bà T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Thanh T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng ông B và bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0012575 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường Q, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)